TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **11**/2026/HNGĐ-ST Ngày 28-5-2026. V/v xin ly hôn, tranh chấp về Nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dua.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chảo Phù Hiển và bà Nguyễn Thị Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026; Về việc xin ly hôn, tranh chấp về Nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Giàng Thị S, sinh ngày 01/3/1999.

Địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên.

Căn cước công dân số: 012199000587, ngày cấp: 27/10/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội –Bộ Công an.

- Bị đơn: Vàng A S, sinh ngày 01/01/1999.

Địa chỉ: Bản C, xã M, tỉnh Điện Biên.

Căn cước công dân số: 011099001365, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội –Bộ Công an.

Hiện Vàng A S đang chấp hành án phạt tù tại Đội 10, Phân trại số 1, Trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an; Địa chỉ: xã V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ Tổng giám

đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 169, phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Dương Thành N – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mào Văn T – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Tổ dân cư số 01, xã M, tỉnh Điện Biên.

- Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị S khai như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Giàng Thị S và anh Vàng A S về chung sống với nhau từ tháng 02/2013 do tự nguyện, được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, do chưa đủ tuổi kết hôn nên đến ngày 06/12/2022 chị S và anh Vàng A S đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Điện Biên). Chị S và anh Vàng A S chung sống hạnh phúc với nhau được hơn 12 năm, đến cuối năm 2024 thì anh Vàng A S theo bạn bè đi làm ăn buôn bán đã vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử tù chung thân về tội mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 38/2025/HSPT ngày 21/01/2025. Trong thời gian vợ chồng sống chung anh Vàng A S chịu khó làm ăn, chăm lo cho vợ con, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy vẫn xảy ra cãi vã nhỏ trong cuộc sống. Trong thời gian anh Vàng A S bị đi tù, chị S đã đi thăm anh S 2 lần tại Trại giam Tân Lập, xã Văn Lang, tỉnh Phú Thọ. Về tình cảm vợ chồng với anh Vàng A S không còn gì, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị S yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Có 01 con chung chưa thành niên Vàng A N, sinh ngày 09/6/2014. Khi ly hôn chị S yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được trực tiếp Nuôi dưỡng cháu Vàng A N đến trưởng thành, có khả năng lao động, chị S không yêu cầu anh S cấp dưỡng Nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hiện có 01 ngôi nhà xây cấp 4, do vợ chồng cùng làm xong năm 2024; có 02 đám nương lúa, 02 xe máy cũ và 02 đám nương lúa đều ở tại bản C, xã M, tỉnh Điện Biên, đất nương chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nợ chung: Vay vốn hộ nghèo số tiền 50.000.000 đồng của Ngân hàng chính sach xa hội M, tỉnh Điện Biên, để mua trâu. Về tài sản là ngôi nhà xây cấp 4, 02 xe máy cũ và 02 đám nương lúa chị S đề nghị Tòa án xem xét giao cho chị S được sử dụng để Nuôi con. Về nợ chung, do anh S đi tù chung thân nên chị S sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ cho Ngân hàng CSXH M, tỉnh Điện Biên.

Tại bản khai ngày 29 tháng 4 năm 2026 bị đơn anh Vàng A S đã khai:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vàng A S và chị Giàng Thị S chung sống với nhau năm 2013, đến ngày 06/12/2022 chị S và anh Vàng A S đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Điện Biên). Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì anh Vàng A S vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử tù chung thân về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị Giàng Thị S xin ly hôn với anh S tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, anh Vàng A S đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung chưa thành niên là Vàng A N, sinh ngày 09/6/2014, hiện cháu Vàng A N đang sống cùng chị Giàng Thị S tại bản C, xã M, tỉnh Điện Biên. Về con chung, anh Vàng A S đồng ý giao con chung cho chị Giàng Thị S trực tiếp Nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Vàng A N trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vàng A S khai có 01 ngôi nhà xây cấp 4; 02 chiếc xe máy cũ, 02 đám nương tại bản C, xã M, tỉnh Điện Biên. Về nợ chung, còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên số tiền 50.000.000 đồng để mua trâu, sau khi anh S đi trại chị S đã bán trâu, khi ly hôn anh S đồng ý để phần tài sản của anh S cho cháu Vàng A N, đồng ý cho chị S quản lý, sử dụng ngôi nhà, 02 chiếc xe máy cũ và 02 mảnh nương và chị S phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng CSXH M theo sổ vay vốn, mã khách hàng số: 7119004042, ngày 16/11/2022.

Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH M, tỉnh Điện Biên có Công văn số 95/CV-NHCS ngày 07/5/2026 có ý kiến đối với khoản vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của ông Vàng A S, mã khách hàng số: 7119004042, ngày 16/11/2022, đồng ý để bà Giàng Thị S trả toàn bộ số nợ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của ông Vàng A S cho Ngân hàng CSXH M. Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH M, tỉnh Điện Biên không yêu cầu tham gia tố tụng trong vụ án.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015, Các Điều 33, 37, 51, 56, 58, 60, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Giàng Thị S được ly hôn với anh Vàng A S.

- Giao con chung, cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đơn đề nghị ở với mẹ của cháu Vàng A N, sinh ngày 09/6/2014 và yêu cầu Nuôi con chung của nguyên đơn được trực tiếp Nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của chị S. Giao con chung chưa thành niên là Vàng A N cho chị Giàng Thị S trực tiếp Nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị giao tài sản chung của vợ chồng gồm 02 chiếc xe máy cũ, 01 ngôi nhà xây cấp 4, 02 đám nương lúa đều ở tại bản C, xã M, tỉnh Điện Biên cho chị S tiếp tục quản lý, sử dụng; chị S có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 50.000.000 đồng cho Ngân hàng CSXH M theo hợp đồng vay vốn số 7119004042 ngày 16/11/2022.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Giàng Thị S do là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Giàng Thị S, Tòa án xác định đây là vụ án: Xin ly hôn, tranh chấp về Nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Nguyên đơn chị Giàng Thị S có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Vàng A S đang đi chấp hành án phạt tù tại phân trại số 1, Trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an, xã V, tỉnh Phú Thọ, không có điều kiện tham gia phiên tòa nên có đơn xin vắng mặt; Đại diện phòng giao dịch Ngân hàng CSXH M vắng mặt, không có yêu cầu gì nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2013 chị Giàng Thị S và anh Vàng A S về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2022. Vì vây quan hệ hôn nhân của chị S và anh S là hợp pháp. Hai anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc hơn 12 năm và có 01 con chung với nhau. Đến cuối năm 2024 anh S theo bạn bè làm ăn, đã vi phạm pháp luật về tội mua bán trái phép chất ma túy. Về tình cảm vợ chồng với anh S không còn gì, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị S yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống. Bị đơn anh S đồng ý ly hôn. Hiện bị đơn

anh S đang chấp hành án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207/BLTTDS. Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, tin tưởng, thương yêu nhau, anh S đang chấp hành án trong trại, không có biện pháp đảm bảo kéo dài cuộc hôn nhân. Như vậy đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy việc chị S xin ly hôn với anh S là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị S, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Giàng Thị S được ly hôn với anh Vàng A S.

[4] Về con chung: Chị S và anh S đều công nhận vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là Vàng A N, sinh ngày 09/6/2014. Chị S xin được Nuôi cháu Vàng A N cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu anh S cấp dưỡng Nuôi con chung. Xét yêu cầu được trực tiếp được Nuôi dưỡng con chung của chị S thấy: Hiện bị đơn anh S đang trong thời gian chấp hành án nên không có điều kiện Nuôi con cũng như cấp dưỡng Nuôi con chung. Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, chính quyền xã M cho biết chị S có nghề nghiệp chính làm ruộng nương có đủ điều kiện để Nuôi con chung chưa thành niên. Hơn nữa cháu Vàng A N, trên 07 tuổi có đơn đề nghị Tòa án xem xét cho cháu được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị S, tuyên giao con chung chưa thành niên cho chị Giàng Thị S trực tiếp Nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành và có khả năng lao động. HĐXX chấp nhận việc chị Giàng Thị S tự nguyện không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng Nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Giàng Thị S ngày 06/5/2026 và bản tự khai của bị đơn Vàng A S ngày 29/4/2026 tài sản chung và nợ chung gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4; 02 chiếc xe máy cũ, 02 đám nương tại bản C, xã M, tỉnh Điện Biên. Về nợ chung, còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội M, tỉnh Điện Biên số tiền 50.000.000 đồng để mua trâu, sau khi anh S đi trại chị S đã bán trâu, khi ly hôn anh S đề nghị để chị S sử dụng ngôi nhà và 02 mảnh nương và trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng CSXH M. Như vậy về tài sản chung và nợ chung của chị S và anh S, các bên đã thống nhất về số tài sản chung và nợ chung. Nguyên đơn Giàng Thị S đề nghị Tòa án tạm giao số tài sản chung là ngôi nhà xây cấp 4, 02 chiếc xe máy cũ và 02 đám nương của chị S và anh S cho chị S sử dụng để Nuôi con và đồng ý trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng CSXH M theo sổ vay vốn, mã khách hàng số: 7119004042, ngày 16/11/2022. Đại diện phòng giao dịch Ngân hàng CSXH M đồng ý để chị S trả toàn bộ số nợ và không có yêu cầu gì khác. Hiện bị đơn S đang chấp hành án phạt tù không có điều kiện trả nợ, anh S đồng ý cho chị S sử dụng ngôi nhà, 02 chiếc xe máy cũ và 02 mảnh nương và trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng CSXH M. Ngoài ra anh S có ý kiến phần tài sản của anh S trong khối tài sản chung, anh S để lại cho cháu Vàng A N là con

chung của anh S và chị S, nay do cháu Vàng A N còn quá nhỏ chưa thể tự quản lý phần tài sản của anh S được nên cần phải tạm giao toàn bộ tài sản chung của anh S và chị S cho chị S tiếp tục quản lý, sử dụng. Xét yêu cầu của chị S được tạm giao toàn bộ tài sản chung và chị S có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 50.000.000 đồng cho Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Cần căn cứ Điều 33, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên tạm giao toàn bộ tài sản chung của chị S và anh S cho chị S quản lý, sử dụng đối với 01 ngôi nhà xây cấp 4; 02 chiếc xe máy cũ, 02 đám nương tại bản C, xã M, tỉnh Điện Biên. Về số nợ chung, căn cứ vào ý kiến của chị S, anh S và Ngân hàng CSXH M, chị S phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng CSXH M theo nội dung hợp đồng vay vốn số 7119004042, ngày 16/11/2022.

[6] Về án phí: Chị Giàng Thị S là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Giàng Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí giá ngạch đối với số tiền chị S phải trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 33, 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 60, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử chị Giàng Thị S được ly hôn với anh Vàng A S.

2.Về con chung: Tuyên giao con chung chưa thành niên là Vàng A N, sinh ngày 09/6/2014 cho nguyên đơn chị Giàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng Nuôi con chung theo Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Tuyên tạm giao 01 ngôi nhà xây cấp 4; 02 chiếc xe máy cũ, 02 đám nương tại bản C, xã M, tỉnh Điện Biên là tài sản chung của chị S và anh S cho chị S quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Nguyên đơn chị Giàng Thị S phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho Ngân hàng CSXH M theo sổ vay vốn, mã khách hàng số: 7119004042, ngày 16/11/2022.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị S được miễn án phí Dân sự sơ thẩm và án phí giá ngạch đối với số tiền chị S phải trả.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày giao, nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng Giám đốc, Thanh tra, Kiểm tra và THA Tòa án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Vàng Thị Dua